

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15 /2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 06 – 8 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
- Bà Phan Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Ấp X, xã X.T, huyện XL, tỉnh Đ.N (Nay là xã X.H, tỉnh Đ.N).

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Kim T, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Khu phố Y, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T (Nay là phường L.G, tỉnh L.Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông B và bà Hoàng Kim T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn, được UBND xã Tân Hà, huyện Hàm Tân cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2009, ngày 24/4/2009. Ông B và bà T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 28/6/2011 và Nguyễn Hoàng G, sinh ngày: 22/6/2015. Từ khi kết hôn, quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến cách sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà T rất áp đặt, đôi khi còn có những lời nói làm chia rẽ tình cảm, khiến cho đời sống chung rất ngột ngạt. Hiện nay, ông B đang công tác tại Trường bắn Quốc gia Khu vực 3 từ năm 2021, với thu nhập mỗi tháng khoảng 20 triệu đồng, sau khi trừ đi chi phí ăn, uống, mặc, ở, trả tiền lãi vay tại ngân hàng thì còn lại khoảng 13 triệu đồng. Hiện các con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đang theo học tại địa phương.

Nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, ông B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với bà Hoàng Kim T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày: 22/6/2015 cho bà Hoàng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung; Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, ông B đã giao toàn bộ tài sản cho bà T, không còn bất kỳ tài sản nào khác, mặc dù vậy, tại phiên tòa, ông B thay đổi mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng/01 con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Kim T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông B về việc tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đăng ký kết hôn, có con chung. Quá trình sống chung, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì. Đến tháng 8/2021, ông B chuyển công tác đến huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tháng 12/2024, bà T phát hiện ông B có quan hệ ngoại tình. Hai bên đã có nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, nay ông B yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý ly hôn. Bà T và ông B có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày: 22/6/2015. Bà T đồng ý trực

tiếp nuôi hai cháu nhưng yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi các con chung 5.000.000 đồng/tháng/01 con chung. Tại phiên tòa, bị đơn trình bày các chi phí để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hiện nay là rất lớn, với mức lương hiện tại của bà là không đủ bù đắp khoản thiếu hụt, mặc dù vậy, bà T thay đổi mức cấp dưỡng, đề nghị ông B cấp dưỡng số tiền 04 triệu đồng/tháng/01 con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của ông B và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Hoàng Kim T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.500.000 đồng/tháng/01 con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hoàng Kim T, giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày: 22/6/2015 cho bà Hoàng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/01 con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp

là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Hoàng Kim T có nơi cư trú tại Khu phố 6, phường Tân An, thị xã La Gi (Nay là phường L.G, tỉnh L.Đ) nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thị xã La Gi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Ông B trình bày mâu thuẫn chủ yếu giữa ông B và bà T là do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn liên quan đến cách sống, bà T áp đặt nên làm cho cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, đôi khi bà T còn có những lời lẽ làm chia rẽ tình cảm. Bà T trình bày bà phát hiện ông B có quan hệ ngoại tình vào tháng 12/2024, sau một thời gian hòa giải thì ông B vẫn quyết định ly hôn bà. Bà T cũng thừa nhận hôn nhân của bà và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B. Áp dụng Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông B và bà T.

[3] Ông B hiện đang công tác và sinh sống tại Trường bán Quốc gia khu vực 3, tọa lạc tại xã X.T, huyện XL, tỉnh Đ.N (Nay là xã X.H, tỉnh Đ.N), còn bà T vẫn đang sinh sống và làm việc tại phường L.G, tỉnh L.Đ, các cháu Tiên và cháu Gia vẫn đang sinh sống cùng với bà T, đang theo học tại các trường trên địa bàn phường L.G, tỉnh L.Đ. Trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con chung, điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, ý kiến, nguyện vọng của con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Tiên và cháu Gia cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập,*

khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Căn cứ mục 28 phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 và Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, của Chính phủ, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 2,5 triệu đồng/tháng/01 người con chung như yêu cầu của ông B là chỉ ở mức tối thiểu theo quy định, tuy nhiên mức yêu cầu 04 triệu đồng/tháng/01 người con của bà T là chưa phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện lời trình bày của các bên đương sự về thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 3,5 triệu đồng/tháng/01 người con như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B là có căn cứ để chấp nhận một phần. Ông Nguyễn Thanh B và bà Hoàng Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 19, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Mục 28 phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025, của Chính phủ;

- Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, của Chính phủ;

- Khoản 8 Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Hoàng Kim T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 28/6/2011 và cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày: 22/6/2015 cho bà Hoàng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền là 3.500.000 đồng/tháng/01 con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 450.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng) theo Biên lai thu số 0012345, ngày 01/4/2025.

+ Bà Hoàng Kim T phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú